TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 26-5-2026
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Ngọc Mai.

2/ Bà Lê Thị Phương Ly.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2026/TLST-HN&GĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2026/QĐXXST-HN&GĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu 10, xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 1, khu phố 3, xã C G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 02, đường số 68, thôn Nam Chính 5, xã D Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2015 chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Chính, D Linh, tỉnh Bình Thuận (hiện nay là xã Nam Chính D Linh, tỉnh Lâm Đồng). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm, thì phát sinh mâu thuẫn không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung và không hợp nhau, chị M và anh D đã sống ly thân với nhau được 7 năm. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2015 anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Chính, D Linh, tỉnh Bình Thuận (hiện nay là xã Nam Chính D Linh, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không có tiếng nói chung và không hợp nhau, dẫn đến hai vợ chồng anh D sống ly thân với nhau một thời gian dài. Nay xét thấy tình cảm, yêu thương không còn nữa. Vì vậy chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh D đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn về việc không yêu cầu giải quyết tranh chấp tài sản chung và nợ.

3. Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị M khởi kiện ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn D; bị đơn có nơi tạm trú tại số 172/75/19 Trần Bình Trọng, khu 2, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 02, đường số 68, thôn Nam Chính 5, xã D Linh, tỉnh Lâm Đồng và có văn bản trình bày ý kiến lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng giải quyết.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

sửa đổi bổ sung năm 2025. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Chị M và anh D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Chính, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã D Linh, tỉnh Lâm Đồng). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị M và anh D sống chung với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị M là do không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung và không hợp nhau, chị M và anh D đã sống ly thân với nhau được 07 năm; về phía anh D cũng xác định vợ chồng không có hạnh phúc, không yêu thương quý trọng nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến ly thân với nhau trong thời gian dài. Anh D đồng ý ly hôn chị M.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh D.

[3.2] Về con chung, về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, đăng ký ngày 17/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Chính, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã D Linh, tỉnh Lâm Đồng) giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001971 ngày 28/01/2026. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 17;
- Chi cục THADS khu vực 17;
- UBND xã D Linh;
- UBND xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận